TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 470/2024/HC-PT
Ngày 23 - 8 - 2024

V/v khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Đình Khánh;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hương Lê, Thẩm tra viên chính Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 293/2024/TLPT-HC, ngày 16 tháng 7 năm 2024 về "*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 58/2024/HC-ST ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 8787/QĐ-PT ngày 04/8/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

* *Người khởi kiện*: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1958, có mặt;

Địa chỉ: Số nhà B đường L, khu phố E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

** Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) huyện H, tỉnh Thanh Hóa;

Địa chỉ: Thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh H, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện H;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Ngọc D, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện H, có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân xã H, huyện H;

Địa chỉ: Xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hoài N - Chủ tịch UBND xã;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T - Phó Chủ tịch UBND xã, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1950, có mặt;

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa;

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông T1: Ông Nguyễn Thế L - Luật sư Văn phòng L3, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1960, có mặt;

4. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1964, có mặt;

5. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1967, có đơn xin xét xử vắng mặt;

6. Bà Lê Thị T2, sinh năm 1952, có đơn xin xét xử vắng mặt;

Đều có địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

7. Bà Lương Thị H2, sinh năm 1976, có mặt;

Địa chỉ: Số nhà A, H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

8. Bà Lương Thị T3, sinh năm 1978, vắng mặt;

Địa chỉ: Ngõ D T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa;

Người đại diện theo ủy quyền cho bà L1: Bà Lương Thị H2, sinh năm 1976, có mặt;

Địa chỉ: Số nhà A, H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (theo văn bản ủy quyền ngày 22/8/2024).

** Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn T1, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Bố mẹ ông Nguyễn Văn Đ là cụ Nguyễn Văn T4 (chết năm 2009) và cụ Lương Thị B (chết năm 2011). Cụ T4 và cụ B có 07 người con, gồm: Ông Nguyễn Văn T5 (hy sinh năm 1970, chưa có vợ con), ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị T6 (chết 1978, có 02 con là Lương Thị H2 và Lương Thị T3), ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị C.

Cụ T4 và cụ B khi chết không để lại di chúc, di sản thừa kế của hai cụ để lại là khu nhà đất tại thôn H, xã H (cũ), nay là xã H, huyện H; theo bản đồ 299 là diện tích 323m^2 đất ở, đứng tên chủ sử dụng cụ Nguyễn Văn T4. Theo hồ sơ địa chính năm 1996, diện tích 310m^2, thửa số 119 tờ bản đồ số 20 tại thôn I, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Ngày 15/9/2006 cụ Nguyễn Văn T4 và cụ Lương Thị B đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 454318 tại thửa đất 119, tờ bản đồ số 20 với diện tích 442m^2 đất ở nông thôn.

Năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã xét xử vụ án phân chia di sản thừa kế là toàn bộ khu đất trên của hai cụ theo quy định pháp luật. Đến tháng 4/2023 ông Nguyễn Văn Đ được cơ quan thi hành án dân sự huyện H thông báo là ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị T2 đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DO 524626 ngày 06/3/1995, tại thửa 596, tờ bản đồ số 4, diện tích 255m^2 đất ở (thửa đất này tương ứng thửa 119, tờ bản đồ số 20 của cụ T4 cụ B).

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị T2 là trùng với số thửa 119, tờ bản đồ số 20 của cụ T4, cụ B.

Ông Đ cho rằng việc UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như trên cho ông Tức là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Nên ông Đ khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DO 524626 ngày 06/3/1995 do UBND huyện H cấp cho ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị T2 tại thôn H, xã H (nay thuộc thôn H, xã H), huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa trình bày:

1. Theo hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ thể hiện:

- Hồ sơ 299/TTg lập năm 1986: Thửa đất số 596, tờ bản đồ số 04, diện tích 323m² (loại đất: Thổ cư), tên chủ sử dụng: Tố.

- Hồ sơ địa chính xã lập năm 1996: Thửa đất số 119, tờ bản đồ số 20, diện tích: 310m² (trong đó: Đất ở: 310m²), tên chủ sử dụng: Nguyễn Văn T4.

2. Kiểm tra thông tin hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây gọi tắt là GCNQSD) đất: Theo sổ theo dõi cấp GCNQSD đất lưu tại xã H thể hiện: Năm 2006, thửa đất trên đã được UBND huyện H cấp GCNQSD đất thể hiện cụ thể như sau:

- Thửa đất số 119, tờ bản đồ số 20, bản đồ địa chính xã H (nay là xã H) lập năm 1996, diện tích 442m², loại đất: Ở nông thôn, tên chủ sử dụng: Cụ Nguyễn Văn T4 - Lương Thị B; số vào số H 00363, cấp GCNQSD đất ngày 15/9/2006, số phát hành giấy chứng nhận AG 454318.

- Theo sổ giao đất Nông nghiệp theo Nghị định 64/NĐ-CP của Chính phủ lưu trữ tại xã H thể hiện: Năm 1995, thửa đất trên đã được UBND huyện H cấp GCNQSD đất (cấp chung với các thửa đất nông nghiệp) thể hiện cụ thể như sau: Thửa đất số: 596, tờ bản đồ số 04, bản đồ địa chính xã H (nay là xã H) lập năm 1986, diện tích 255m², loại đất: đất ở, tên chủ sử dụng: Ông Nguyễn Văn T1, tên chủ sử dụng đất đã bị sửa chữa, tẩy xóa; số vào sổ 32/QSDĐ/UBHH, cấp GCNQSD đất ngày: Không thể hiện; số phát hành giấy chứng nhận: DO 524626.

Không tìm thấy trang sổ giao đất Nông nghiệp theo Nghị định 64/NĐ-CP của Chính phủ lưu trữ tại xã H thể hiện tên hai cụ Nguyễn Văn T4 - Lương Thị B.

Đối với hồ sơ cấp GCNQSD đất của ông Nguyễn Văn T1 (bà T2) từ năm 1995, đến nay đã gần 30 năm, trong quá trình lưu trữ kho trước đây bảo quản

không tốt và huyện đã nhiều lần chuyển kho lưu trữ, hiện nay không có hồ sơ lưu trữ.

Ủy ban nhân dân xã H, huyện H trình bày:

1. Hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ thể hiện:

- Hồ sơ 299/TTg lập năm 1986: Thửa đất số 596, tờ bản đồ số 04, diện tích 323m² (Loại đất: Thổ cư), tên chủ sử dụng: Tố.

- Hồ sơ địa chính xã lập năm 1996: Thửa đất số 119, tờ bản đồ số 20, diện tích: 310m² (trong đó: Đất ở: 310m²), tên chủ sử dụng: Nguyễn Văn T4.

2. Kiểm tra thông tin hồ sơ cấp GCNQSD đất:

Theo hồ sơ quản lý đất đai lưu tại xã H, thửa đất 119, tờ bản đồ số 20, bản đồ địa chính lập năm 1996 xã H (nay là xã H), đã được UBND huyện H cấp GCNQSD đất số: AG 454318, số vào sổ theo dõi đăng ký cấp giấy H 00363, ngày 15/9/2006, diện tích: 442m², loại đất: Đất ở tại nông thôn (ONT); chủ sử dụng đất cụ: Nguyễn Văn Tố - L, thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Trong tài liệu gia đình cung cấp vị trí đất trên cũng đã được UBND huyện H cấp GCNQSD đất, tại thửa đất 596, tờ bản đồ số 04, bản đồ 299/TTg lập năm 1986, xã H số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: DO 524626, số vào sổ theo dõi đăng ký cấp giấy 32/QSDĐ/UBHH, ngày 06/03/1995, diện tích: 255m², loại đất: Đất ở tại nông thôn, chủ sử dụng đất ông bà: Nguyễn Văn T1 (T7), xóm I, thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1: Không đồng ý với nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu tuyên hủy GCNQSD đất số DO 524626, số vào sổ theo dõi đăng ký cấp giấy 32/QSDĐ/UBHH, ngày 06/03/1995, diện tích: 255m², loại đất: Đất ở tại nông thôn, chủ sử dụng đất ông bà: Nguyễn Văn T1 (T7), xóm I, thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Lý do:

- Căn cứ vào quy định của Luật Đất đai năm 1987, 1993, 2009 và 2013 thì hộ ông T1 đã được cấp GCNQSD đất năm 1995 đối với thửa đất 596 tờ bản đồ số 04.

- Năm 2012, cán bộ địa chính xã H đã thu hồi GCNQSD đất của cụ T4, cụ B để đề nghị cấp đổi lại, vì số thửa trùng với số thửa của gia đình ông đang ở đã được cấp GCNQSD đất năm 1995 và diện tích trong sơ đồ cấp GCNQSD đất lại trùng với diện tích nhà liền kề phía trước.

- Năm 2018, khi Tòa án giải quyết yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T4 và cụ B thì người khởi kiện chỉ cung cấp cho tòa bản phô tô GCNQSD đất của cụ T4, cụ B.

- Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đai khi Nhà nước đã giao cho người khác theo quy định pháp luật. Năm 1995 ông T1 được cấp GCNQSD đất là đúng quy định pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị C trình bày: Thống nhất như nội dung trình bày của ông Đ về di sản thừa kế của cụ T4 và cụ B để lại là thửa đất số 119 tờ bản đồ số 20 đã được Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết chia thừa kế năm 2019. Cụ T4 và cụ B sinh sống trên mảnh đất này cho đến khi chết. Bà H1, bà P và bà C nhường lại phần thừa kế được hưởng cho ông T1 và ông Đ. Sau đó cơ quan thi hành án huyện H thông báo không thi hành được bản án, lý do như thế nào thì các bà không biết. Đối với mảnh đất ở bờ đê mà cụ T4 làm đơn xin xã thì gia đình ông T1 đã sử dụng từ năm 1985 đến nay, nên thuộc quyền sử dụng của gia đình ông T1.

Chị Lương Thị H2 và Lương Thị T3: Mẹ của hai bà là bà Nguyễn Thị T6 (đã chết), khi chia thừa kế thì các bà không yêu cầu gì, nên việc ông Đ khởi kiện hủy GCNQSD đất của ông T1 đối với thửa đất của cụ T4 và cụ B để lại thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đối với thửa đất số 596 tờ bản đồ số 04, hồ sơ 299/TTg lập năm 1986; diện tích 323m^2; tương ứng thửa 119 tờ bản đồ số 20 hồ sơ địa chính năm 1996, diện tích 310m^2, đứng tên cụ Nguyễn Văn T4.

Hiện trạng đo đạc thực tế: Tổng diện tích 299m^2, tứ cận: Phía Đông dài 16,3m giáp ông Nguyễn Văn H3; phía Tây dài 16,1m giáp ngõ xóm; phía Nam dài 17,5m giáp nhà ông Lê Gia L2; phía Bắc dài 18,2m giáp đường thôn và tài sản trên đất.

Thửa đất trên đã được chia thừa kế theo Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2018/DS-ST ngày 07/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa và Bản án dân sự phúc thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 29/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Với nội dung trên, tại Bản án hình chính sơ thẩm số 58/2024/HC-ST ngày 20/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206; khoản 1 Điều 345; khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn Đ1: Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DO 524626, ngày 06/3/1995 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho ông Nguyễn Văn T1 (Thao) tại thôn H, xã H (cũ) nay thuộc thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (hủy đối với thửa đất số 596 tờ bản đồ số 4, diện tích 255m^2 loại đất ở lâu dài).

Ngoài ra, bản án còn quyết định nghĩa vụ chịu án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/6/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhận được đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1 kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự trình bày như sau:

- Người kháng cáo là ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án không đúng bản chất, không đúng sự thật khách quan; việc UBND huyện H cấp GCNQSD đất cho ông đối với thửa đất số 596, tờ bản đồ số 04 là đúng trình tự, thủ tục và đúng quy định của pháp luật. Bởi vì, thửa đất của ông là thửa đất riêng biệt, không liên quan gì đến thửa đất của bố, mẹ ông; mặc dù năm 2018 Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, năm 2019 Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã giải quyết vụ án chia di sản thừa kế của bố mẹ ông đã chia thửa đất cho các anh, chị, em nhưng ông không nhất trí với bản án của Tòa án tỉnh và Tòa án huyện nên đã có khiếu nại theo thủ tục giám đốc thẩm nhưng Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã có trả lời đơn.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông T1 trình bày: Bản án sơ thẩm đã hủy GCNQSD đất cấp cho ông Nguyễn Văn Tức l vi phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông T1; bản án sơ thẩm đã phản ánh không đúng sự thật vì việc UBND huyện H cấp GCNQSD đất cho ông Tức là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; thửa đất ông T1 hoàn toàn riêng biệt không liên quan gì đến thửa đất của bố, mẹ; tại quyết định cấp đất của UBND xã H cấp đất cho cụ Nguyễn Văn T4 thể hiện diện tích 300m^2, cụ T4 chuyển đến chỗ ở mới kể từ ngày ký quyết định giao đất. Như vậy, thửa đất của bố mẹ ông T1 ngay cạnh thửa đất ông T1 đã mua năm 2000, việc mua đã được thể hiện bằng hóa đơn nộp tiền và năm 1995 ông T1 đã được cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 596, tờ bản đồ số 04 với diện tích 255m^2 là hoàn toàn đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm ông T1 đã cung cấp trực tiếp một số tài liệu nhưng không được ghi nhận. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định theo hồ sơ quản lý đất đai năm 1996 và hồ sơ cấp GCNQSD đất năm 2006 hai thửa đất là một là không chính xác. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, áp dụng Án lệ số 40/2021/AL, công nhận ông T1 chủ sử dụng thửa đất số 596, tờ bản đồ số 04 diện tích 255m^2.

- Người khởi kiện là ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Cơ bản giữ nguyên những ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm; bản án sơ thẩm giải quyết đúng quy định của pháp luật, kháng cáo của ông Tức l không có căn cứ, nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác nhất trí như ý kiến của ông Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng các quy định

của pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Ông Nguyễn Văn T1 kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

- Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử thấy như sau:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là GCNQSD đất số DO 524626 do UBND huyện H cấp ngày 06/3/1995 cho ông Nguyễn Văn T1 (Thao) đối với thửa đất số 596, tờ bản đồ số 4 tại thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Đây là quyết định hành chính cá biệt của cơ quan hành chính Nhà nước cấp huyện trong lĩnh vực quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Mặc dù GCNQSD đất được ban hành ngày 06/3/1995, nhưng đến ngày 29/3/2023, Chi Cục thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa mới ban hành Văn bản số 83/CCTHADS có nội dung: Thửa đất được Tòa án tuyên là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn T4 và cụ Lương Thị B là thửa đất số 119, tờ bản đồ số 20 bản đồ địa chính xã H, huyện H đã được cấp GCNQSD đất cho ông Nguyễn Văn T1 ngày 06/3/1995, nên ông Nguyễn Văn Đ mới biết được; ông Nguyễn Văn Đ không phải là đối tượng được giao GCNQSD đất, nên thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày ông biết được quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, nên ngày 16/11/2023 ông Đ đã có đơn khởi kiện vụ án hành chính là đang trong thời hạn một năm, nên đang trong thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án một số đương sự vắng mặt nhưng đã có người đại diện có mặt, hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt, hoặc đã được triệu tập hợp lệ theo quy định nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

** Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1 thấy:*

[3] Theo hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ đối với thửa đất số 596, tờ bản đồ số 04 thể hiện: Theo hồ sơ 299 lập năm 1986 thuộc thửa đất số 596 có diện tích 323m^2 (loại đất thổ cư), tên chủ sử dụng thể hiện là T4; hồ sơ địa chính lập năm 1996 thể hiện thửa đất số 119, tờ bản đồ số 20, diện tích 310m^2, tên chủ sử dụng Nguyễn Văn T4. Như vậy, căn cứ hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ thì đủ căn cứ khẳng định, thửa đất có nguồn gốc của cụ Nguyễn Văn T4 và cụ Lương Thị B; hồ sơ quản lý đất đai không thể hiện có sự chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế từ cụ T4, cụ B sang vợ chồng ông T1, nhưng UBND huyện H lại cấp GCNQSD đất cho vợ chồng ông Tức là trái pháp luật. Ông Nguyễn Văn T1 cho rằng việc cấp GCNQSD đất có sự trùng lặp nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh, cũng như cho rằng UBND huyện H căn cứ Luật Đất đai để cấp GCNQSD đất cho vợ chồng ông là đúng pháp luật là thiếu căn cứ. Hơn nữa, tại thời điểm năm 2018 và năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa và Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã xét xử vụ án chia di sản thừa kế của cụ T4 và cụ B để lại, thì tất cả các con của cụ T4 và cụ B đều thừa nhận thửa 119 tờ bản đồ 20 (tương ứng thửa 596, tờ bản đồ số 04) là di sản thừa kế của cụ T4, cụ B chưa chia. Tại thời điểm này chính ông T1 cũng không biết ông đã được UBND huyện H cấp GCNQSD đất số DO 524626 ngày 06/3/1995 đối với thửa 596, tờ bản đồ số 04; bản án chia di sản thừa kế của cụ T4, cụ B đã có hiệu lực pháp luật; tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều thừa nhận thửa đất đang được cấp GCNQSD đất cho ông T1 đã được xác định là di sản thừa kế của cụ T4, cụ B và đã được Tòa án các cấp chia thừa kế, hiện bản án đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ, hủy một phần GCNQSD đất của ông T1, bà T2 là đúng quy định.

Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng, cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ là có căn cứ; quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự quy định của pháp luật; đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận lẽ ra người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, nhưng ông Tức là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí, nên miễn án phí phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn T1 theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Luật Tố tụng hành chính.

Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 58/2024/HC-ST, ngày 20/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn T1.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THA dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Duy Nhiệm